

Số: **922** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **12** tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình
Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

ĐẾN Số: **4846**
Ngày: **12/6/18**
Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi tại Tờ trình số 52/TTr-QISC ngày 15/3/2018 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 1563/SXD-ĐT&HT ngày 30/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ.
2. Thuộc dự án: Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ.
3. Loại, cấp công trình:
 - Hạng mục Đường giao thông: Công trình giao thông, cấp IV.
 - Hạng mục Hệ thống cấp điện: Công trình công nghiệp (năng lượng), cấp IV.
 - Hạng mục Kè bảo vệ bờ sông: Công trình nông nghiệp và phát triển

nông thôn, cấp IV.

- Hạng mục thoát nước dọc: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.
- Các hạng mục San nền, Vía hè - Cây xanh, Quảng trường, Điện chiếu sáng và cấp nước: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.
- Khu chợ: Công trình dân dụng, cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi và Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp điện Á Châu.

6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và đầu tư Quảng Ngãi và Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp điện Á Châu.

7. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng: Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng thẩm tra các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và dân dụng.

8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

a) Quy mô xây dựng, chỉ tiêu kỹ thuật:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu dân cư với diện tích khoảng 19,97ha theo quy hoạch đã được phê duyệt gồm các hạng mục: Đường giao thông, Kè bảo vệ bờ sông, Hệ thống cấp điện, San nền, Thoát nước dọc, Vía hè - Cây xanh, Quảng trường, Điện chiếu sáng, Cấp nước và Khu chợ theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Kè và Khu dân cư Nam Sông Vệ.

b) Giải pháp thiết kế chủ yếu:

* **Đường giao thông:**

- Quy mô mặt cắt ngang:

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Quy mô				Cấp thiết kế đường (TCXDVN 104-2007)
			B _{mặt} (m)	B _{dpc} (m)	B _{vía hè} (m)	B _{nền} (m)	
1	Tuyến số 01	196,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
2	Tuyến số 02	281,8	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
3	Tuyến số 03	138,0	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
4	Tuyến số 04	699,7	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ

5	Tuyến số 05	1188,0	7,0		6x2=12	19	Đường phố nội bộ
6	Tuyến số 06	203,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
7	Tuyến số 07	81,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
8	Tuyến số 08	121,2	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
9	Tuyến số 09	380,2	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
10	Tuyến số 10	114,1	7x2=14	8	8x2=16	38	Đường phố gom
11	Tuyến số 11	250,5	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
12	Tuyến số 12	137,0	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ
13	Tuyến số 13	211,0	7,0		4x2=8	15	Đường phố nội bộ

+ Thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Thông số kỹ thuật	
		Đường phố nội bộ	Đường phố gom
1	Cấp thiết kế đường (TCXDVN104-2007)	Đường phố nội bộ	Đường phố gom
2	Vận tốc thiết kế	30Km/h	40Km/h
3	Dốc ngang mặt đường	2%	2%
4	Dốc ngang vỉa hè	2%	2%
5	Kết cấu mặt đường	BTN – Cấp cao A1	BTN – Cấp cao A1
6	Tải trọng trục thiết kế tuyến	100 kN	100 kN
7	Mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu	120 Mpa	120 Mpa

+ Hệ thống an toàn giao thông.

- Giải pháp thiết kế:

+ Thiết kế bình đồ, trắc dọc: Thiết kế tuân theo thiết kế cơ sở được duyệt về vị trí, cao độ, tọa độ các điểm, các nút giao thông.

+ Trắc ngang: Trắc ngang được thiết kế với qui mô bề rộng nền, mặt đường và độ dốc theo quy mô mặt cắt ngang.

+ Kết cấu nền, mặt đường:

. Nền đường: Chủ yếu là nền đắp, nền đường đất đắp lớp trên cùng đảm K \geq 0,98 dày 50cm đảm bảo sức chịu tải CBR \geq 8, lớp dưới đảm K \geq 0,95 sau khi đã bóc lớp cát lẫn sét dày 30cm.

. Mặt đường: Đối với đường phố gom (tuyến số 10): Lớp BTNC 12,5 dày 5cm, lớp BTNC 19 dày 7cm, móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm; đối với đường phố nội bộ (tuyến số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13): Lớp BTNC 19 dày 7cm, móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm; đoạn từ Km0+34,61 – Km159,61 của tuyến số 05 có kết cấu mặt đường bằng BTXM, cụ thể: Lớp mặt bằng BTXM M350 dày 22cm, lớp cấp phối đá dăm dày 15cm.

+ Bó vỉa: Bằng bê tông M300, chiều cao bó vỉa $h=15\text{cm}$.

+ Nút giao thông: Thiết kế các nút giao thông đơn giản, cùng mức, bán kính thiết kế theo quy hoạch được duyệt.

+ Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

*** Hệ thống cấp điện:**

- Phần đường dây 22kV:

+ Kết cấu lưới điện: Cấp điện áp 22kV, kết cấu lưới điện 3 pha, 3 dây.

+ Dây dẫn: Đường dây trung áp xây dựng mới được tính chọn theo điều kiện mật độ dòng điện kinh tế và các qui định kỹ thuật lưới điện trung áp. Toàn bộ dây dẫn trung áp xây dựng mới dùng loại dây nhôm bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: A/XLPE-70 mm²-12,7/24/kV.

+ Cách điện và phụ kiện.

. Cách điện đứng: Được chọn theo điện áp danh định của lưới điện trung áp, sử dụng loại bằng hợp chất polymer sử dụng loại đi kèm kẹp dây. Ký hiệu: SD-22. Cách điện đứng được bố trí như sau: Các vị trí đỡ thẳng, đầu lèo dùng 01 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha. Các vị trí đỡ vượt, đỡ góc dùng 02 cách điện đứng đỡ dây dẫn cho 1 pha.

. Cách điện chuỗi sử dụng ở vị trí néo cuối, néo dùng và néo góc dùng loại hợp chất polymer.

. Liên kết chuỗi bằng móc chữ U chịu lực tối thiểu 70kN.

. Khoá néo dây dẫn dùng cho dây bọc là loại có lực kéo lớn hơn hoặc bằng 70kN, phù hợp với lực phá huỷ cơ học của chuỗi néo và được mạ kẽm nhúng nóng.

. Hệ số an toàn cơ học của phụ kiện mắc dây, khi ĐDK làm việc ở chế độ bình thường không nhỏ hơn 2,5 và trong chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,7.

. Hệ số an toàn của chân cách điện đứng khi ĐDK làm việc ở chế độ bình thường không nhỏ hơn 2, trong chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,3.

. Hệ số an toàn của cách điện: Ở chế độ làm việc bình thường không nhỏ hơn 2,7; ở chế độ nhiệt độ trung bình năm không có gió không nhỏ hơn 5; ở chế độ sự cố không nhỏ hơn 1,8.

. Giải pháp đấu nối: Dây bọc trung thế phải sử dụng phụ kiện phù hợp tránh các trường hợp làm hư hỏng lớp vỏ cách điện, làm mất an toàn trong

quá trình vận hành và gây sự cố. Yêu cầu chung của phụ kiện dùng cho dây bọc: Không làm hư hại lớp vỏ cách điện của dây dẫn, phụ kiện sử dụng cho dây bọc cách điện phải đảm bảo độ kín, tránh không cho nước thâm nhập vào lõi dây dẫn.

. Tại vị trí rẽ nhánh đầu nối vào đường dây 22kV dùng bộ đầu rẽ nhánh cho dây nhôm có tiết diện phù hợp (kẹp hotline clamp nhôm).

. Nối dây dẫn: Dùng khóa néo kiểu ép (dùng cho dây bọc) ở các vị trí hãm dây, đầu lèo dùng khóa đầu lèo, mỗi vị trí của 01 pha dùng 01 bộ; nối dây dẫn sử dụng ống nối kiểu ép có tiết diện phù hợp và không được nối dây tại các khoảng vượt.

+ Các biện pháp bảo vệ.

. Sử dụng tiếp địa cột kiểu LR-10: Gồm 10 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng, mỗi cọc dài 2m làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới mặt đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CT3 Ø10 mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở nối đất phải đảm bảo $R_{nd} \leq 15 \Omega$ (đối với vùng có điện trở suất của đất $100 \Omega m < \rho \leq 500 \Omega m$) ở bất kỳ thời điểm nào trong năm.

. Tất cả các vị trí cột đường dây 22kV có tiếp địa phải được nối đất đầu cột với xà; các chi tiết bằng thép của tiếp địa cột phải được mạ kẽm nhúng nóng với bề dày lớp mạ tối thiểu phải đạt $85 \mu m$.

. Các biện pháp bảo vệ khác: Tất cả các vị trí cột đều có biển cấm và số thứ tự cột đặt ở vị trí dễ nhìn thấy nhất để thuận tiện trong việc quản lý vận hành và báo hiệu cho nhân dân qua lại dưới đường dây. Tại trạm biến áp có biển cấm và biển tên trạm theo qui định về an toàn. Hành lang tuyến theo đúng nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

. Tên trạm biến áp, cụm bù tĩnh; đánh số thứ tự cột, các thiết bị đóng cắt; lắp đặt biển báo an toàn và treo cờ chỉ thị pha trên lưới điện theo quy định của Công ty Điện Lực Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 1364/QĐ-QNPC ngày 31/3/2011 và Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương qui định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

. Tại vị trí cột đầu nối có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có lỗ khoan để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

+ Phần xây dựng đường dây:

. Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm đúc sẵn cao 14m; ký hiệu: BTLT 14B

. Móng cột BTLT: Sử dụng loại bê tông đúc móng M150, đá 2x4; lót móng bằng bê tông M150, đá 4x6, chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông M200, đá 1x2. Ký hiệu: MT-4, MTD-3.

. Xà: Gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn $85 \mu m$.

. Cổ dề: Được gia công bằng thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 85 μ m.

- Đường dây 22kV đi ngầm:

+ Dây dẫn:

. Toàn bộ dây dẫn trung áp đi ngầm dùng cáp ngầm 3 lõi đồng bọc PVC cách điện XLPE. Ký hiệu: Cu/XLPE/DSTA/PVC(3x70)mm² – 24kV. Toàn bộ tuyến cáp ngầm đi liền mạch và không được phép nối để đảm bảo an toàn trong vận hành và sử dụng.

. Dây dẫn trung áp dùng để đấu nối từ đầu cáp ngầm đến đường dây 22kV trên không dùng loại cáp 1 lõi đồng bọc PVC cách điện XLPE. Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x70)mm² – 24kV.

. Cáp đấu nối từ đường dây trên không đến chống sét van dùng loại 1 lõi đồng bọc PVC, cách điện XLPE - Ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x50) mm².

+ Cách điện và phụ kiện: Tại vị trí cáp ngầm lên cột, đầu nối dây bọc XLPE với đường dây trên không bằng đầu cột đồng có tiết diện phù hợp.

+ Các biện pháp bảo vệ.

. Cáp ngầm lên cột được luồn trong ống thép Ø114 dày 5mm bảo vệ cáp.

. Hai đầu cáp ngầm được bọc kín bằng hộp đầu cáp ngầm 3 pha ngoài trời và bảo vệ quá điện áp bằng chống sét van.

+ Phần xây dựng đường dây:

. Tuyến đi trong mương cáp nền đất có độ sâu chôn cáp là 0.8m so với mặt nền, cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE Ø130/100mm cáp nằm giữa lớp cát, phía trên là lớp gạch thẻ bảo vệ suốt chiều dài mương cáp. Bố trí mốc báo cáp ngầm liên tiếp nhau cách đều 10m trên mặt nền.

. Xà: Toàn bộ xà được gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 μ m.

. Tại hai đầu các vị trí vượt đường bố trí hố ga để xử lý cáp.

- Phần Trạm biến áp:

+ Vị trí và dung lượng trạm:

. Chọn 02 máy biến áp 3 pha với dung lượng 400kVA – 22/0,4kV.

. Trạm biến áp xây dựng mới được đặt gần tuyến đường dây trung thế xây dựng mới, máy biến áp được kiểu treo trên cột ngoài trời, xung quanh không có tường rào bảo vệ.

+ Các giải pháp:

. Sơ đồ nối điện: Phía trung áp của máy biến áp dùng sơ đồ khối đường dây - máy biến áp. Phía hạ áp của máy biến áp dùng sơ đồ một lộ tổng cho 1 lộ ra. Tủ điện hạ áp đặt tại trạm biến áp gồm có 02 ngăn: 01 ngăn bố trí aptômat, 01 ngăn bố trí các đồng hồ đo đếm điện năng hữu công và vô công để tiện cho việc quản lý, vận hành sau này.

. Các biện pháp bảo vệ: Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía trung áp dùng cầu chì tự rơi (FCO-24kV) đặt ngoài trời. Bảo vệ sóng quá điện áp

truyền từ đường dây vào trạm dùng chống sét van (LA-18kV). Bảo vệ ngắn mạch và quá tải phía hạ áp bằng aptômat tổng loại 3 pha, 3 cực.

. Các giải pháp đấu nối: Đấu nối từ đường dây trung thế đến MBA dùng loại dây đồng bọc XLPE 24kV, ký hiệu: Cu/XLPE/PVC 50 mm² – 12,7/24 kV. Đấu nối từ MBA đến áp tô mát tổng dùng loại cáp đồng 1 ruột bọc PVC cách điện XLPE - 600V, ký hiệu: Cu/XLPE/PVC(1x240) mm² và được luồn trong ống nhựa HDPE Ø130/100.

. Nối đất: Tại trạm biến áp xây dựng mới 01 hệ thống nối đất cọc tia hỗn hợp, ký hiệu: LR-14 gồm 14 cọc bằng thép L63x63x6 mạ kẽm nhúng nóng dài 2 mét làm các cọc nối đất. Thanh tiếp đất bằng thép tròn CT3Ø12 mạ kẽm. Liên hệ giữa các cọc và thanh bằng liên kết hàn điện. Dây nối từ vỏ các thiết bị, chống sét van, trung tính MBA đến dây tiếp địa cột, dùng dây đồng trần M35. Riêng dây tiếp địa nối từ hệ thống tiếp địa trạm lên đến xà lắp FCO, LA phải dùng dây thép dẹt –40x4 mạ kẽm nhúng nóng thay cho dây đồng trần M35. Trị số điện trở nối đất trung tính của máy biến áp phải theo qui định tại Điều I.7.52 của Qui phạm trang bị điện 11TCN 18-2006 và Điều II.5.72 của Qui phạm trang bị điện 11TCN 19-2006. Tất cả các chi tiết nối đất đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ không được nhỏ hơn 85 µm.

+ Đo lường: Đo đếm điện năng tiêu thụ bằng công tơ điện 3 pha 220/380V - 5A thông qua biến dòng 150/5A đặt tại tủ điện trạm biến áp (công tơ do đơn vị bán điện cung cấp và lắp đặt).

+ Phần xây dựng:

. Trạm biến áp được xây dựng theo kiểu treo trên cột BTLT 14 m, đặt máy ngoài trời, xung quanh không có tường rào bảo vệ.

. Hệ xà trạm: Gia công bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085 mm.

. Tại vị trí trạm biến áp có lắp cờ chỉ thị pha được treo trực tiếp trên dây dẫn, theo thứ tự vàng, xanh, đỏ. Cờ chỉ thị được làm bằng mica màu, kích thước của cờ là 100x50x3, có khoan lỗ để gắn trực tiếp vào dây dẫn.

- Phần đường dây hạ áp 0,4kV:

+ Kết cấu đường dây: Đường dây hạ thế được thiết kế cấp điện áp 0,4kV. Kết cấu đường dây 3 pha, 4 dây.

+ Dây dẫn: Dây dẫn đường dây hạ áp được tính chọn theo điều kiện tổn thất điện áp cho phép và các qui định kỹ thuật lưới điện hạ áp. Dây dẫn hạ áp chọn dùng loại cáp nhôm vặn xoắn bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: LV-ABC (4x120) mm² -600V cho các tuyến trục chính và LV-ABC (4x95) mm² -600V cho các nhánh rẽ.

+ Phụ kiện:

. Trên tuyến đường dây dùng các loại phụ kiện phù hợp với cáp vặn xoắn như: Khoá néo dây, khoá treo dây, kẹp cáp xuyên cách điện, giá đỡ cáp, nắp bịt đầu cáp v.v... phù hợp với tiết diện dây dẫn.

. Nối dây dẫn: Dùng kẹp cáp xuyên cách điện cho các vị trí đấu nối và rẽ nhánh, mỗi vị trí của 1 pha dùng 1 kẹp cáp.

. Sử dụng ống nối kiểu ép tại các vị trí nối dây chịu lực, mỗi pha dùng 1 ống nối và không được nối tại các khoảng vượt.

+ Các biện pháp bảo vệ.

. Tiếp địa xây dựng mới sử dụng tiếp địa lặp lại kiểu LR-6: Gồm 6 cọc bằng thép L63x6 mạ kẽm, mỗi cọc dài 2m làm cọc nối đất và được chôn sâu dưới mặt đất 0,8m. Các cọc được nối với nhau bằng thép tròn CT3 Ø10 mạ kẽm với liên kết hàn điện. Trị số điện trở nối đất phải đảm bảo $R_{nd} \leq 30\Omega$ ở bất kỳ thời điểm nào trong năm. Các vị trí cột hạ thế có bố trí tiếp địa cần tuân thủ theo Quy phạm trang bị điện và các quy định hiện hành.

. Tất cả các vị trí cột đều có số thứ tự cột đặt ở vị trí dễ nhìn thấy nhất để thuận tiện cho việc quản lý vận hành và báo hiệu cho nhân dân qua lại dưới đường dây. Số thứ tự cột được thực hiện theo Quyết định số 1364/QĐ-QNPC, ngày 31/3/2011 của Công ty Điện lực Quảng Ngãi và Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 2/10/2014 Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

+ Phần xây dựng:

. Cột: Dùng cột bê tông ly tâm đúc sẵn cao 8,4 m. Ký hiệu: BTLT-8,4A; BTLT-8,4B.

. Móng cột: Dùng móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Đúc móng bằng bê tông mác 150, đá 2x4, lót móng bê tông đá 4x6 mác 100. Chèn khe hở giữa cột và móng bằng bê tông M200, đá 1x2. Khi thi công phải đúc móng trước khi dựng cột. Ký hiệu: MT-1; MTĐ-1.

. Cột dề: Dùng thép mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là 0,085mm. Ký hiệu: CDGC-85.

*** Kè bảo vệ bờ sông:**

- Quy mô và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

+ Chiều dài đỉnh kè: 1.150,53m.

. Đoạn 1: Km0+11,98 -:- Km0+406,77, có chiều dài L=394,79m.

. Đoạn 2: Km0+406,77-:- Km0+958,11, có chiều dài L=551,34m.

. Đoạn 3: Km0+958,11-:-Km1+162,51, có chiều dài L=204,40m.

+ 01 khóa đầu kè và 01 khóa cuối kè.

+ Công trình trên kè: 13 công trình, gồm: 09 bậc cấp lên xuống và 04 cống thoát nước.

+ Tần suất lưu lượng lũ thiết kế: $P = 10\%$.

+ Tần suất tốc độ gió: $P = 4\%$.

+ Hệ số ổn định: $[K] = 1,25$.

+ Thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	THÔNG SỐ	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
A	Thông số thủy lực			
1	Mức nước lũ tại cầu sông Vệ theo tần	Z10%	m	+5,84

	suất P10%			
2	Mức nước thấp nhất tại cầu Sông Vệ		m	+0,30
3	Mức nước tạo lòng		m	+3,80
4	Vận tốc dòng chảy lũ thiết kế	Vtk	m/s	2,20
B	Kè bảo vệ bờ sông			
1	Cấp công trình			IV
2	Tổng chiều dài tuyến kè	L	m	1.150,53
-	Kè đoạn 1: Km0+11,98 :- Km0+406,77	L1	m	394,79
-	Kè đoạn 2: Km0+406,77 :- Km0+958,11	L2	m	551,34
-	Kè đoạn 3: Km0+958,11 :- Km1+162,51	L3	m	204,40
3	Cao trình đỉnh kè			
-	Kè đoạn 1: Km0+11,98 :- Km0+406,77		m	+3,98 ÷ +7,00
-	Kè đoạn 2: Km0+406,77 :- Km0+958,11		m	+6,18
-	Kè đoạn 3: Km0+958,11 :- Km1+162,51		m	+6,08 ÷ +6,57
4	Cao trình cơ kè			+4,50
5	Cao trình đỉnh chân kè			+0,80
6	Kết cấu kè			
	Đỉnh kè	Đỉnh kè kết hợp đường giao thông của dự án, có kết cấu bê tông mác 200 (M 200)		
	Thân kè:			
	- Phần trên cơ kè	Tấm bê tông chừa lỗ trồng cỏ nằm trong khung BTCT M200		
	- Phần dưới cơ kè +Đoạn: Km0+11,98 :- Km0+113,07 + Đoạn Km0+113,07 ÷ Km1+162,51	Có kết cấu từ trên xuống: BTCT M200 dày 12 cm, lớp đá lát chít mạch dày 25cm, sỏi lót dày 10cm và dưới cùng là vải địa kỹ thuật nằm trong khung BTCT M200. Gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn M200 có khe liên kết âm dương nằm trong khung BTCT M200, kích thước tấm bê tông (60x60x15)cm.		
	Chân kè:	Có kết cấu chủ yếu bằng rọ đá kết hợp lăng thể đá học thả rời		
8	Bậc lên xuống :		Cái	09
9	Cửa xả		Cái	04

- Giải pháp thiết kế:

+ Hình thức kết cấu kè mái nghiêng có bố trí cơ kè, kết cấu kè gồm các bộ phận chính gồm: Đỉnh, thân và chân kè.

. Đỉnh kè: Đỉnh kè được kết hợp làm đường giao thông, chiều rộng mặt kè và kết cấu theo các tuyến đường số 5 và tuyến đường số 17.

. Thân kè: Mái thân kè có hệ số mái $m=2,0$. Phần trên cơ được gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn có kích thước (90x90x15)cm có chừa lỗ trống có nằm trong khung BTCT M200; Phần mái kè dưới cơ có kết cấu từ lần lượt từ trên xuống như sau: Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn có kích thước (60x60x15)cm, lớp sỏi (1x2)cm dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật nằm trong khung BTCT M200, riêng đoạn K0+11,98 -:- K0+113,07 có kết cấu từ trên xuống gồm BTCT M200 dày 12 cm, lớp đá lát chít mạch dày 25cm, sỏi lót dày 10cm và dưới cùng là vải địa kỹ thuật nằm trong khung BTCT M200; đất đắp bên trong thân kè có độ chặt $K \geq 0,95$, đoạn kè có nền đất yếu thân kè được gia cường bằng vải địa kỹ thuật.

. Cơ kè rộng 2,0m, mặt cơ gia cố bằng bê tông M200 dày 15 cm, có bố trí bồn hoa trồng cây.

. Chân kè: Đoạn từ K0+11,98÷K0+34,06 tiếp giáp với cầu sông Vệ cũ, chân kè có kết cấu bằng tường bê tông M200 kết hợp rọ đá và lăng thể đá học thả rời; đoạn từ K0+34,06 ÷K0+113,07, kết cấu bằng ống buy D100 cm bên trong đổ đá học kết hợp rọ đá và lăng thể đá học thả rời; đoạn K0+113,07 ÷ K1+162,50 có kết cấu bằng lăng thể đá học kết hợp rọ đá. Rọ đá lưới thép có kích thước (2x1x0,5)m, Chiều dày tối thiểu lăng thể đá học $t \geq 100$ cm, đường kính viên đá $D \geq 30$ cm.

+ Công trình trên tuyến: Gồm cửa xả số 1, 2, 3, 4 và 09 bậc cấp lên xuống.

. Cửa xả số 1 tại K0+118,30: Tiêu thoát nước từ cống quan đường Quốc lộ 1A đã có. Hình thức cống 3V, kích thước (3x3x3)m, kết cấu bằng BTCT M300, Thượng lưu cống bố trí kênh dẫn mặt cắt chữ nhật kích thước BxH = (9,8x4,0)m, chiều dài L = 67m. Tường bên kênh dẫn thiết kế dạng tường bán chông bằng BTCT M200, đáy kênh dẫn được gia cố bằng bê tông lưới thép M200. Hạ lưu cửa xả bố trí bể tiêu năng, kích thước (11,6x10,0x2,0)m, kết cấu BTCT M200.

. Cửa xả số 2,3,4: Cửa xả 1V(200x200)cm, Kết cấu cống bằng bê tông cốt thép M300, có bố trí cửa van đóng mở dạng bán tự động bằng thép. Thượng lưu các cửa xả số 2,3,4 nối tiếp với hệ thống thoát nước khu dân cư.

. Bậc lên xuống: Kết cấu bằng bê tông M200, bề rộng mỗi bậc B = 5,0m.

+ Các công trình phục vụ thi công:

. Đường thi công: Sử dụng các đường giao thông có sẵn trong khu vực để phục vụ vận chuyển vật liệu.

. Bãi đúc cấu kiện: Tổng diện tích thiết kế $F = 600m^2$, lấy khu san nền của dự án, bố trí 3 bãi theo dọc kè.

+ Tổ chức thi công: Thi công thủ công, kết hợp cơ giới. Mực nước thiết kế thi công là mực nước kiệt + 0,30m.

* San nền:

Thực hiện san nền theo lô với tổng diện tích san nền khoảng 121.256m² (diện tích đào khoảng 135m², đắp khoảng 121.121m²), tổng khối lượng đất đắp khoảng 247.2870m³, đất đào khoảng 134m³, đắp nền sử dụng đất đồi, hệ số đầm nén san nền K=0,85. Hệ số taluy san nền đắp 1:1,5 được trồng cỏ gia cố, taluy san nền đào 1:1. Hướng thoát nước san nền về phía các đường giao thông.

* Thoát nước dọc:

- Thoát nước mưa: Thiết kế dọc các tuyến đường theo quy hoạch đã được phê duyệt. Sử dụng công tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính Ø(300-1500)mm; công đặt dưới vỉa hè chịu tải trọng vỉa hè, công dưới đường chịu tải trọng H30-XB80. Hệ thống thoát nước được thu gom thoát về sông Vệ theo thiết kế cơ sở đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến i=(0,17-0,52)%. Giếng thăm bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200), đáy giếng thăm bằng đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình; hố thu bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250) đáy song chắn rác bằng gang; hố ngăn mùi bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250) đáy đan BTCT.

- Thoát nước thải: Thiết kế dọc phía sau các lô đất. Sử dụng công tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính Ø400. Nước thải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa. Độ dốc thoát nước dọc tuyến trung bình 0,25%. Các hố ga được thiết kế bằng bê tông đá 1x2 M200, đáy đan BTCT (bê tông đá 1x2 M250).

* Vỉa hè - Cây xanh:

- Vỉa hè thiết kế hai bên đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt. Vỉa hè lát gạch block tự chèn 220x220x48 trên lớp cát đệm dày 5cm.

- Bồn cây có kích thước bồn (1,2x1,2)m, thành bồn thiết kế bằng bê tông đá 1x2 M200, mặt hố hoàn thiện quét vôi.

- Cây xanh:

+ Dải phân cách: Trồng cây bóng mát kết hợp cây cảnh quan như Cau Vua, Vạn Tế, Osaka đỏ; thảm cỏ trồng cỏ Lá Gừng.

+ Vỉa hè: Trồng cây bóng mát với khoảng cách trung bình (7-10)m. Cây bóng mát trồng các loại cây như Sao Đen, Bằng Lăng, Lim Xẹt...

* **Quảng trường:** Thiết kế quảng trường có diện tích khoảng 33.700m², bao gồm: Bãi đỗ xe, đường nội bộ, cây xanh - thảm cỏ và điện chiếu sáng.

- Bãi đỗ xe: Bố trí tại 03 vị trí với diện tích bãi số 1 khoảng 1.400m², bãi số 2 khoảng 2.130m², bãi số 3 khoảng 1.700m². Cấu tạo mặt từ trên xuống gồm: Lớp BTNC 12.5 dày 5cm, lớp BTNC 19 dày 7cm, lớp cấp phối đá dăm lại 1 dày 30cm, đất đồi đầm chặt K98 dày 50cm.

- Đường nội bộ: được thiết kế dọc trong khuôn viên quảng trường, các lối đi chính rộng 3,0m, lối đi phụ rộng 1,2m. Kết cấu lối đi bộ lát gạch block tự chèn trên lớp cát dày 10cm.

- Cây xanh - thảm cỏ: Cây xanh sử dụng các loại cây bóng mát như Sao đen, Sấu, Me; thảm cỏ sử dụng cỏ Lá Gừng và cỏ Lạc Hồng.

- Điện chiếu sáng: Quảng trường bố trí 03 trụ đèn có dàn nâng hạ cao 20m, mỗi trụ lắp đặt 08 đèn pha Led công suất 240W, dây dẫn sử dụng cáp CXV/DSTA (4x10)mm². Trên mỗi trụ đèn bố trí kim thu sét, bán kính bảo vệ cấp I: 79m, dây dẫn sét sử dụng 02 dây cáp đồng PVC(CV-50mm²).

*** Điện chiếu sáng:**

Thiết kế nằm trên vỉa hè dọc tuyến đường theo thiết kế cơ sở. Nguồn điện được đấu nối từ hệ thống cấp điện của khu vực. Đường dây chiếu sáng đi nối chung cột điện lực, số lượng 107 bộ, dây dẫn sử dụng cáp ABC (4x25)mm², đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 80W, chiều dài tuyến đường dây trên không khoảng 3.480m. Riêng tuyến chiếu sáng phía Bắc Quảng trường được bố trí chiếu sáng 1 phía đi ngầm trên vỉa hè và tuyến đường nối từ đường ĐT627B với Quảng trường trụ đèn chiếu sáng được bố trí trên dải phân cách; trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cao 9m cần đèn rời (số lượng 24 bộ), dây dẫn sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (4x10)mm², đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 80W, chiều dài tuyến đường dây ngầm khoảng 870m. Dải phân cách tuyến đường nối từ đường ĐT627B với Quảng trường được bố trí trụ đèn trang trí cao 3,93m, sử dụng bóng đèn Led công suất 30W; dây dẫn bố trí đi ngầm, sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (4x10)mm².

*** Cấp nước:**

- Thiết kế dọc tuyến đường theo thiết kế cơ sở. Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa HDPE D300(315) dài khoảng 345m, ống nhựa HDPE D250(280) dài khoảng 520m, HDPE D200(225) dài khoảng 330m, HDPE D150(160) dài khoảng 1.890m, ống nhựa HDPE D100(110) dài khoảng 940m, ống nhựa HDPE D50(63) dài khoảng 4.950m.

- Trạm bơm tăng áp: Xây dựng trên khu đất khoảng 980m², tại vị trí theo quy hoạch đã được phê duyệt.

+ Trạm bơm: Bể nước kích thước LxBxH=(9,3x6,5x5,8)m, kết cấu bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250); bể được chôn ngầm dưới cốt nền hoàn thiện 3,8m, nổi phía trên 0,2m. Nhà trạm bơm diện tích 44,6m², đặt trực tiếp trên bể nước chiều cao thông thủy 3,3m, chiều cao công trình 4,85m (tính từ mặt bể nước); tường xây bao che hoàn thiện bả matit + sơn nước, nền lát gạch ceramic 600x600, mái lợp tôn trên xà gồ thép. Kết cấu khung sàn BTCT chịu lực (bê tông đá 1x2 M250); thép sử dụng thép có cường độ Rs=225Mpa đối với thép có đường kính <10mm và Rs=280Mpa đối với thép có đường kính ≥10mm.

+ Tường rào + cổng ngõ: Tường rào xây dựng quanh khu đặt trạm bơm với chiều cao 2,0m, phía dưới 0,8m xây kín bằng gạch, phía trên chừa lỗ thoáng; kết cấu bằng móng trụ kết hợp giằng BTCT chịu lực. Cổng ngõ có chiều rộng 5,0m, sử dụng cổng đẩy rộng 6,5m cao 3,0m, kết cấu bằng thép

hộp liên kết hàn.

*** Khu chợ:**

Khu chợ được thiết kế gồm các hạng mục: Nhà lồng, 02 nhà bán hàng tươi sống, nhà vệ sinh, bể nước ngầm + nhà đặt máy bơm, khu tập trung rác, xử lý nước thải và sân đường nội bộ.

- Nhà lồng:

+ Kiến trúc: Diện tích xây dựng 1.066 m^2 , chiều cao thông thủy $3,9\text{m}$, chiều cao công trình $8,1\text{m}$, nền cao hơn công trình $0,45\text{m}$; tường xây bao che, nền bằng bê tông đá $1 \times 2 \text{ M200}$ dày 12cm cắt khe, mái lợp tôn kết hợp tấm lợp sáng trên xà gồ thép, cửa sử dụng cửa sắt kéo. Toàn bộ nhà được hoàn thiện bả matit + sơn nước.

+ Kết cấu móng đơn BTCT đặt trên nền tự nhiên kết hợp cột, khung sàn BTCT và kèo thép hình chịu lực; kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200), thép sử dụng thép có cường độ $R_s=225\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $<10\text{mm}$ và $R_s=280\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $\geq 10\text{mm}$.

+ Cấp điện: Nguồn điện được lấy từ hệ thống cấp điện chung khu vực. Dây nguồn chính cấp điện sử dụng cáp CXV/DSTA- $2 \times 10\text{mm}^2$, dây dẫn cấp điện bên trong sử dụng dây CV- 6mm^2 , CV- 4mm^2 , CV- $2,5\text{mm}^2$ và CV- $1,5\text{mm}^2$. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led Tube $1,2\text{m}$ ($1 \times 18\text{W}$) gắn tường (số lượng 28 bộ), đèn Led Tube $1,2\text{m}$ ($2 \times 18\text{W}$) gắn trên máng cáp (số lượng 38 bộ), đèn Led ốp trần $\text{Ø}270$ 14W (số lượng 24 bộ). Bố trí hệ thống đèn chiếu sáng khẩn cấp Ac quy sạc $2 \times 14\text{W}$ (số lượng 15 bộ), đèn thoát hiểm Ac quy sạc (số lượng 08 bộ).

+ Hệ thống chống sét: Bố trí kim thu sét tự động đặt trên mái, bán kính bảo vệ cấp I R_p : 58m , dây dẫn sét sử dụng cáp đồng PVC(CV- 50mm^2).

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: Sử dụng đầu báo khói và hệ thống chuông để báo cháy. Bố trí bình bột chữa cháy ABC, bình chữa cháy CO_2 và hệ thống cấp nước chữa cháy sử dụng ống thép tráng kẽm D50-D100.

- 02 Nhà bán hàng tươi sống:

+ Kiến trúc: Diện tích xây dựng $2 \times 107 = 214\text{m}^2$, chiều cao thông thủy $3,0\text{m}$, chiều cao công trình $4,70\text{m}$, nền cao hơn công trình $0,2\text{m}$; toàn bộ không gian được để thông thoáng (không xây tường bao che), nền bằng bê tông đá $1 \times 2 \text{ M200}$ dày 12cm , mái lợp tôn trên xà gồ thép.

+ Kết cấu: Móng đơn BTCT đặt trên nền tự nhiên kết hợp khung BTCT chịu lực; kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200), thép sử dụng thép có cường độ $R_s=225\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $<10\text{mm}$ và $R_s=280\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $\geq 10\text{mm}$.

- Nhà vệ sinh:

+ Kiến trúc: Diện tích xây dựng 43m^2 , chiều cao thông thủy $2,7\text{m}$, chiều cao công trình $3,95\text{m}$, nền cao hơn công trình $0,3\text{m}$; tường xây bao che

hoàn thiện sơn nước, tường trong nhà ốp ceramic 300x600 cao 2,2m; nền hoàn thiện lát gạch ceramic chống trượt 300x300, mái lợp tôn trên xà gồ thép, toàn bộ cửa sử dụng cửa kính khung nhôm.

+ Kết cấu: Móng đơn BTCT đặt trên nền tự nhiên kết hợp khung BTCT chịu lực; kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200), thép sử dụng thép có cường độ $R_s=225\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $<10\text{mm}$ và $R_s=280\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $\geq 10\text{mm}$.

+ Cấp điện: Nguồn điện được lấy từ hệ thống cấp điện chung khu vực. Dây nguồn chính cấp điện sử dụng cáp CXV/DSTA-2x6mm², dây dẫn cấp điện bên trong sử dụng dây CV-2,5mm², CV-1,5mm². Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led Tube 0,6m (1x9W) gắn tường (số lượng 08 bộ), đèn Led bulb 7W gắn trần (số lượng 08 bộ).

+ Cấp, thoát nước: Nguồn cấp nước cho khu vệ sinh lấy từ hệ thống cấp nước chung của công trình. Đường ống cấp nước sử dụng ống nhựa PPR D20-40, ống thoát nước bên trong sử dụng ống nhựa uPVC D49-114.

- Bể nước ngầm + Nhà đặt máy bơm:

+ Bể nước ngầm: Kích thước LxBxH=(12,2x4,7x2,35)m, kết cấu bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200). Bể được chôn ngầm dưới cốt nền hoàn thiện 1,8m, nổi phía trên 0,45m.

+ Nhà đặt máy bơm: Đặt trên bể nước ngầm kích thước (2,2x2,7)m, chiều cao 2,35m. Kết cấu khung sàn BTCT chịu lực, cột liên kết trực tiếp vào thành bể. Tường xây bao che hoàn thiện bả matit + sơn nước.

- Khu tập trung rác:

+ Diện tích xây dựng 29m², chiều cao thông thủy 2,7m, chiều cao công trình 3,7m, nền cao hơn công trình 0,1m; tường xây bao che hoàn thiện quét vôi, nền bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm, mái lợp tôn trên xà gồ thép.

+ Kết cấu: Móng đơn BTCT đặt trên nền tự nhiên kết hợp khung BTCT chịu lực; kết cấu chịu lực chính sử dụng bê tông cấp bền B15 (M200), thép sử dụng thép có cường độ $R_s=225\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $<10\text{mm}$ và $R_s=280\text{Mpa}$ đối với thép có đường kính $\geq 10\text{mm}$.

- Xử lý nước thải:

+ Phần xây dựng:

. Bể xử lý: Kích thước LxBxH=(8,66x8,1x2,5)m được chia làm các ngăn xử lý, kết cấu bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250). Bể được chôn ngầm dưới cốt nền hoàn thiện 2,3m, nổi phía trên 0,2m.

. Nhà đặt máy bơm: Diện tích xây dựng 6,6m², chiều cao thông thủy 1,9m, chiều cao công trình 2,6m, nền cao hơn công trình 0,1m; tường xây bao che hoàn thiện quét vôi, nền kết hợp móng bằng bê tông đá 1x2 M250 dày 15cm, mái lợp tôn trên xà gồ thép.

+ Phần công nghệ: Công nghệ xử lý nước thải của công trình là công nghệ xử lý theo phương pháp vi sinh, kết hợp với phương pháp xử lý cơ học.

+ Phần thiết bị: Gồm hệ thống bơm điều hòa, tuần hoàn, thổi khí; hệ thống xử lý khí và các thiết bị khác theo công nghệ xử lý.

- Sân bê tông: Thiết kế quanh nhà lồng, kết nối các hạng mục trong công trình và đường giao thông bên ngoài. Tổng diện tích khoảng 1.329m². Kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 15cm, cắt khe co giãn.

- Cấp điện ngoài nhà: Nguồn điện được đấu nối từ đường dây 0,4kV theo quy hoạch đã được phê duyệt. Dây dẫn đến hạng mục Nhà lồng sử dụng cáp CXV/DTSA 4x50mm², dây dẫn từ Nhà lồng đến Nhà vệ sinh sử dụng cáp CXV/DTSA 2x6mm². Tất cả đường dây được luồn trong ống HDPE chôn ngầm.

- Cấp thoát nước ngoài nhà:

+ Cấp nước: Nguồn nước được đấu nối từ đường ống trên tuyến đường số 2 theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đường ống dẫn đến các hạng mục công trình sử dụng ống PPR D50/63 và D20/25. Tất cả đường ống được chôn ngầm.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **185.831.288.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ, tám trăm ba mươi một triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	110.165.953.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	1.953.930.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	1.712.283.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	8.452.153.000 đồng
- Chi phí khác:	7.963.459.000 đồng
- Chi phí bồi thường, GPMB:	34.739.234.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	20.844.276.000 đồng

Nguồn vốn: Vốn khai thác quỹ đất tại Khu dân cư Nam Sông Vệ.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt, sớm đưa công trình vào khai thác, phát huy có hiệu quả.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 1563/SXD-ĐT&HT ngày 30/5/2018.

3. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NL), TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD (ttrung321)

